

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-PT
Ngày: 27-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2018/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT .

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn H, sinh năm 1955 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: ấp Quới Hòa Đông, xã Quới Sơn, huyện CT , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ Lê Thị Ph; có 06 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng L , sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân Thạch, huyện CT , tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 15/7/2017, Lê Văn H điều khiển xe mô tô 52Z9-1986 lưu thông trên đường ĐH 03 hướng từ Ủy ban nhân dân xã Quới Sơn đến Quốc lộ 60 cũ. Khi lưu thông đến khu vực thuộc ấp Quới Hòa Tây, xã Quới Sơn, huyện CT thì đụng vào phía sau xe đạp do bà Phạm Thị Hồng Tr điều khiển chạy cùng chiều phía trước. Hậu quả làm bà Tr bị thương tích nặng, được mọi người đưa đi cấp cứu.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông do Công an huyện CT lập ngày 15/7/2017 đã xác định:

- Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đường nhựa, thẳng rộng 4m. Lấy mép đường bên phải theo hướng UBND xã Quới Sơn về hướng QL 60 cũ làm chuẩn.

- Xe mô tô biển số 52Z9-1986 sau vụ tai nạn ngã về bên phải, trực trước cách lề chuẩn 5,50m, trực sau cách lề chuẩn 0,35m và để lại trên mặt đường 01 vết phanh và 04 vết cày.

- + Vết phanh kích thước (9,50 x 0,07)m, đầu vết cách lề 0,30m, đuôi vết cách lề 0,90m.

- + Vết cày 1 dài 2,20m, đầu vết cách lề 0,26m, đuôi vết cách lề 0,80m.

- + Vết cày 2 dài 2,63m, đầu vết cách lề 0,35m, đuôi vết cách lề 0,55m.

- + Vết cày 3 dài 1,85m, đầu vết cách lề 0,50m, đuôi vết cách lề 0,40m.

- + Vết cày 4 dài 2,15m, đầu và đuôi vết cày trùng với lề chuẩn.

- Xe đạp sau vụ tai nạn ngã bên phải, trực trước cách lề 0,80m, trực sau cách lề 0,45m.

- Khu vực vết máu phun kích thước (0,85 x 0,75)m, tâm cách lề chuẩn 0,40m.

Quá trình khám nghiệm đã tạm giữ:

- Một xe mô tô hai bánh biển số 52Z9-1986, một giấy đăng ký xe mô tô biển số 52Z9-1986 và 01 giấy phép lái xe hạng A1 tên Lê Văn H.

- Một xe đạp.

Qua biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông ngày 28/7/2017 xác định được:

- Xe mô tô 52Z9-1986 có các dấu vết sau:

- + Ốp nhựa đầu xe bên phải bị bể vỡ, trầy xước.

- + Đầu tay thắng trước bên phải, đầu tay cầm bên phải, đầu gác chân trước bên phải, đầu gác chân sau bên phải, mặt ngoài đuôi bộ phận giảm thanh có vết mài mòn.

- + Đèn chiếu sáng bị thủng từ ngoài vào trong, từ trước ra sau.

- + Đèn tín hiệu bên phải bị bể vỡ rơi mất một phần.

- + Ốp nhựa phuộc trước bên trái bị bể rơi mất.

- + Mặt trước giảm sóc trước bên trái có dấu vết hằn xước mất kim loại.

- + Mặt lắn bánh xe sau có dấu vết trượt sạch bùn.

- * Xe đạp có các dấu vết:

- + Vành bánh xe trước bị cong vênh biến dạng.

- + Vè chắn bùn bánh xe sau bị cong dẹt từ sau ra trước, từ phải qua trái.

- + Đầu chân chống đứng bên phải bị gãy, phần gắn vào ốc bắt đùm bị cong dẹt từ sau ra trước, từ ngoài vào trong.

- + Thanh đỡ bên phải yên xe sau bị cong dẹt từ sau ra trước, từ ngoài vào trong.

- + Đền kiều phía sau bị bể, vỡ.
- + Mặt ngoài bên phải vỏ cao su bánh xe sau có vết rách cao su.
- + Vành bánh xe sau bên phải bị cong dẹt từ sau ra trước.

* Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 247-917-TgT ngày 06/10/2017 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bến Tre xác định bà Tr bị thương tích như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- * Chấn thương đầu.
 - Sưng vùng đỉnh phải.
 - CTScanner đầu:
 - + Tụ máu dưới màn ứng trán thái dương đỉnh phải và trán trái.
 - + Dập não, xuất huyết thái dương đỉnh phải và trán trái.
 - + Xuất huyết dưới nhện bán cầu phải.
 - + Xuất huyết trong não thất.
 - + Gãy lún sọ đỉnh thái dương phải.
 - * Hiện:
 - + Liệt hoàn toàn $\frac{1}{2}$ người trái.
 - + Liệt nặng $\frac{1}{2}$ người phải.
 - + Tiêu tiểu không tự chủ, mất tri giác.
 - + Ăn uống qua sonde mũi dạ dày.
 - + Khuyết sọ.
 - + Trán thái dương đỉnh trái.
 - + Thái dương đỉnh phải.
 - + Sống đời sống kiều thực vật.
2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 100%.

* Tại Kết luận giám định số 62/C54B ngày 09/01/2018 của Phân Viện KHHS-Tổng cục Cảnh sát tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau:

- Dấu vết va chạm và chiều hướng dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 52Z9-1986 và xe đạp:

- Dấu vết trượt xước bám chất rỉ sét mặt ngoài bên dưới phía trước bên trái giảm xóc trước xe mô tô biển số 52Z9-1986 có chiều từ trước về sau phù hợp dấu vết trượt mất chất rỉ sét, biến dạng chốt kim loại phía sau bên phải yên xe sau xe đạp có chiều từ sau về trước.

Trên cơ sở hồ sơ vụ tai nạn giao thông và cơ chế hình thành dấu vết xác định:

- Khi va chạm, xe đạp lưu thông trên ĐH 03 hướng từ UBND xã Quới Sơn đi QL 60 cũ, xe mô tô biển số 52Z9-1986 lưu thông cùng chiều phía sau xe đạp.

- Vị trí va chạm giữa 02 phương tiện trên mặt đường nằm bên phải ĐH 03 hướng từ UBND xã Quới Sơn đi QL 60 cũ.

Quá trình điều tra, đại diện gia đình người bị hại đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo Hải bồi thường 300.000.000 đồng tiền chi phí điều trị, ngoài ra không yêu cầu bồi thường các khoản nào khác. Bị cáo Hải chỉ đồng ý hỗ trợ cho gia đình bị hại được số tiền 5.000.000 đồng vì cho rằng mình không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông trên.

Hiện Công an huyện CT đã trả một xe đạp cho gia đình bà Phạm Thị Ngọc Tr .

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 21-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện CT, đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về phân trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự 1999; các Điều 584, 585, 586, 590, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 279.956.207 (*Hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm lẻ bảy*) đồng và cấp dưỡng cho bà Tr mỗi tháng 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng cho đến khi bà Tr chết. Do chị Nguyễn Thị Hồng L đại diện nhận.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2018 bị cáo Lê Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo và xem xét giảm mức bồi thường chi phí điều trị và tiền cấp dưỡng cho bị hại do số tiền quá cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận trong vụ tai nạn giao thông lỗi thuộc về bị cáo, bị cáo đồng ý theo lời khai của người làm chứng và Kết luận giám định là người bị hại đi cùng chiều với bị cáo trên đường và xe của bị cáo đụng vào xe bị hại từ phía sau.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 năm 06 tháng tù về “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo về bồi thường nên không xem xét. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm qua lời khai nhận của bị cáo kết hợp các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định số 62/C54B ngày 09/01/2018 của Phân Viện KHHS- Tổng cục Cảnh sát tại Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định: Vào khoảng 07 giờ, ngày 15/7/2017, Lê Văn H điều khiển xe mô tô 52Z9-1986 lưu thông trên đường ĐH 03 hướng từ Ủy ban nhân dân xã Quới Sơn đến Quốc lộ 60 cũ. Khi lưu thông đến khu vực thuộc ấp Quới Hòa Tây, xã Quới Sơn, huyện CT thì đụng vào phía sau xe đạp do bà Phạm Thị Hồng Tr điều khiển chạy cùng chiều phía trước gây tai nạn. Hậu quả làm bà Tr bị tổn thương cơ thể do thương tích là 100%. Như vậy, lỗi do bị cáo. Với ý thức, hành vi và hậu quả do bị cáo đã gây ra Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét như sau: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ một phần chi phí điều trị cho bị hại; bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng do bị gãy tay và bị sỏi thận để yêu cầu được hưởng án treo.

Xét yêu cầu kháng cáo về hình phạt tù, tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi lỗi và hậu quả do bị cáo đã gây ra (trước đây bị cáo không thừa nhận lỗi) được xem là thành khẩn khai báo và có bồi thường thêm cho phía bị hại 3.000.000 đồng đây là tình tiết giảm nhẹ mới, xét thấy bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo, hậu quả do bị cáo đã gây ra là nghiêm trọng (người bị hại mất hoàn toàn sức khỏe phải sống đời sống thực vật) nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ cấp phúc thẩm xét thấy phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu hưởng án treo của bị cáo.

Đối với kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tự nguyện rút yêu cầu phần này nên được giữ nguyên. Đối với số tiền 5.000.000 đồng cấp sơ thẩm cho rằng cấp dưỡng là không phù hợp vì theo Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 cũng như Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định

về cấp dưỡng mà là chi phí hợp lý chăm sóc người bị thiệt hại mất khả năng lao động, nên điều chỉnh lại cho phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cấp dưỡng cho bà Tr đến khi chết nhưng không xác định từ thời gian nào gây khó khăn trong việc thi hành án. Tuy nhiên chị Hồng L đã yêu cầu 10 tháng và được cấp sơ thẩm chấp nhận 10 tháng, tại phiên tòa phúc thẩm chị L yêu cầu tính từ khi tuyên án sơ thẩm và bị cáo đồng ý nên được tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt tù cho bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp Điều 42 của Bộ luật Hình sự 1999; các Điều 584, 585, 586, 590 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 279.956.207 (*Hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm lẻ bảy*) đồng và chi phí hợp lý chăm sóc người bị thiệt hại mất khả năng lao động là bà Phạm Thị Hồng Tr mỗi tháng 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng kể từ khi tuyên án sơ thẩm (ngày 21/11/2018) cho đến khi bà Tr chết. Do bà Nguyễn Thị Hồng L đại diện nhận.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ ĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện CT (3b);
- Công an và VKSND huyện CT (2b)
- Chi cục THADS huyện CT (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Quới Sơn, huyện CT , tỉnh Bến Tre (1b);
- ĐDHP của bị hại (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Phạm Văn Tỉnh